

Một số giải pháp hoàn thiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tại các doanh nghiệp niêm yết của Việt Nam

II NGUYỄN THÀNH HUNG

(Đại học Thương mại)

Mùa công bố thông tin không “yên bình” do các khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Theo mục II.1 của Thông tư 58/2007/TT-BTC, ngày 18/04/2007, về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với các công ty đại chúng (bao gồm cả các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán) của Việt Nam, trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính (BCTC) năm được kiểm toán, các doanh nghiệp (DN) niêm yết và các công ty đại chúng phải công bố thông tin định kỳ về BCTC năm đã được kiểm toán. Thời hạn hoàn thành BCTC năm chậm nhất là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Như vậy, BCTC của năm 2008 được kiểm toán sẽ phải công bố chậm nhất vào ngày 11/04/2009. Đến cuối tháng 04/2009, khi mùa công bố thông tin về BCTC năm được kiểm toán của các công ty niêm yết kết thúc, nhiều nhà đầu tư không khỏi ngỡ ngàng vì sự chênh lệch khá lớn về chỉ tiêu lợi nhuận trước và sau kiểm toán của một số công ty đại chúng được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Và ngạc nhiên hơn, sự chênh lệch chỉ tiêu lợi nhuận đó lại rơi vào đa số các DN lớn, có uy tín về sự minh bạch thông tin trên thị trường chứng khoán như Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (mã chứng khoán là STB), Công ty cổ phần Kinh Đô (KDC), Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc (NKD), Công ty cổ phần Thủy hải sản Minh Phú (MPC), Công ty cổ phần Hàng hải Sài Gòn (SHC),... Với STB, báo cáo lãi trước thuế là 1.245 tỷ đồng, nhưng Công ty kiểm toán Pricewaterhouse Coopers VietNam chỉ chấp nhận lãi trước thuế là 1.110 tỷ đồng. Như vậy, lợi nhuận trước thuế đã bị điều chỉnh giảm 135 tỷ đồng, tương đương hơn 10%. ấn tượng hơn, KDC cũng bị Công ty kiểm toán Ernst & Young điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế 202,978

tỷ đồng, từ lãi 142,576 tỷ đồng về lỗ 60,602 tỷ đồng, làm không ít nhà đầu tư “bàng hoàng”. Cùng “cảnh ngộ”, Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Kinh Đô Miền Bắc (NKD) cũng có mức chênh lệch lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán hơn 38 tỷ đồng, từ mức lãi hơn 39 tỷ đồng còn chưa đầy 1 tỷ đồng. Ngoài ra, một số DN niêm yết khác cũng bị điều chỉnh giảm chỉ tiêu lợi nhuận trước và sau kiểm toán như Công ty XNK thủy sản Bến Tre (ABT) lợi nhuận sau thuế sau kiểm toán chênh lệch giảm 18,9 tỷ đồng (tương đương 84%), Công ty cổ phần XNK Khánh Hội (KHA) giảm 6,31 tỷ đồng (11%) lợi nhuận trước thuế từ 56,96 tỷ còn 50,65 tỷ đồng, Công ty cổ phần hàng hải Sài Gòn (SHC) cũng giảm 1,15 tỷ đồng (8,5%) lợi nhuận trước thuế sau khi công bố báo cáo kiểm toán,...

Nguyên nhân do đâu?

Qua tìm hiểu BCTC được kiểm toán và Công văn giải trình của các DN niêm yết gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, có nhiều nguyên nhân gây ra sự chênh lệch của chỉ tiêu lợi nhuận trước và sau kiểm toán như: ghi nhận doanh thu và chi phí của một số dự án đầu tư xây dựng cơ bản dở dang chưa phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán, hạch toán các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi chưa đúng quy định, thay đổi thời gian và mức khấu hao tài sản cố định,... Tuy nhiên, nguyên nhân chính (chiếm trên 75%) dẫn đến sự chênh lệch số liệu lợi nhuận giữa DN công bố và tổ chức kiểm toán là do sự khác biệt trong việc ghi nhận khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Đó là lý do tạo nên những “con số” cho nhà đầu tư khi thời gian công bố BCTC kiểm toán năm 2008 kết thúc.

Mỗi khoản đầu tư tài chính (ĐTTC) nói chung và đầu tư chứng khoán nói riêng của DN đều luôn gắn với một hoặc nhiều rủi ro nhất định. Do đó, đòi hỏi DN phải có các khoản dự phòng ĐTTC, một mặt

nhằm đảm bảo sự chủ động, ổn định cho DN về tài chính, mặt khác để đáp ứng yêu cầu của nguyên tắc thận trọng trong hạch toán kế toán. Theo tinh thần của Thông tư số 15/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” thì việc trích lập dự phòng giảm giá ĐTTTC còn giúp cho DN có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch, đảm bảo cho DN phản ánh giá trị các khoản ĐTTTC không cao hơn giá cả trên thị trường tại thời điểm lập BCTC. Tuy nhiên, việc trích lập dự phòng giảm giá ĐTTTC lại có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Nếu các khoản trích lập này tăng lên, đồng nghĩa với việc lợi nhuận của DN sẽ bị giảm đi tương ứng. Vì khi trích lập thêm các khoản dự phòng giảm giá ĐTTTC sẽ làm tăng chi phí tài chính trong kỳ, dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DN bị suy giảm. Và có thể, vì các khoản dự phòng ĐTTTC này, làm cho DN không đạt được kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra, còn chủ DN bị “lỗi hẹn” với các cổ đông về các chỉ tiêu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh. Chính vì tầm quan trọng của chỉ tiêu dự phòng giảm giá ĐTTTC nên đã có nhiều “zích zác” trong việc ghi nhận và hạch toán các khoản dự phòng giảm giá ĐTTTC của các DN niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Cùng với đó, chưa có CMKT Việt Nam nào hướng dẫn cụ thể việc trích lập dự phòng giảm giá ĐTTTC, đã gây không ít khó khăn cho các DN trong quá trình thực hiện việc trích lập khoản dự phòng này. Ngoài nguyên nhân chính kể trên, còn có một số nguyên nhân sau đây:

▶▶▶ **Nguyên nhân chủ quan:** Doanh nghiệp “chủ động” chuyển khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn sang đầu tư tài chính dài hạn.

Hiện tại, khi các khoản ĐTTTC bị giảm giá mạnh, nhiều DN thực hiện kết chuyển từ đầu tư ngắn hạn sang đầu tư dài hạn để “chống lỗ” và họ không bán ra vì khoản lỗ đó chưa thể hiện trên báo cáo kết quả kinh doanh và bảng cân đối kế toán. Khi đó, DN sẽ “từ chối” không trích lập dự phòng các khoản ĐTTTC dài hạn với lý do vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế chưa nhỏ hơn vốn chủ sở hữu thực có trên Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp nhận vốn góp (theo mục 2.2b của Thông tư 15).

Trường hợp của Công ty cổ phần Kinh Đô (KDC) là một ví dụ, thời điểm ngày 31/12/2008 danh mục đầu tư dài hạn của Công ty là hơn 902 tỷ, trong đó đầu tư dài hạn vào công ty con hơn 9 tỷ đồng, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết hơn 32 tỷ đồng, đầu tư vào các chứng khoán dài hạn khác 855,5 tỷ đồng... Tuy nhiên, điều gây thắc mắc là với khoản đầu tư lớn như trên lại chỉ được KDC trích lập dự

phòng một con số rất nhỏ, vốn vẹn 19 tỷ đồng BCTC quý IV/2008. Theo giải trình từ phía KDC gửi Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM cho biết “Các khoản ĐTTTC dài hạn là đầu tư chiến lược vào các tổ chức như: Ngân hàng CP xuất nhập khẩu Việt Nam - Eximbank, Tổng Công ty Rượu bia nước giải khát Sài Gòn - Sabeco, Công ty CP quản lý quỹ An Phúc, Công ty CP Bourbon Tây Ninh, Công ty CP Tribeco Bình Dương, Công ty CP Kim cương Sài Gòn,.... Các khoản này là đầu tư chiến lược dài hạn nên Công ty không phải trích lập dự phòng. Khoản dự phòng 19 tỷ đồng là của Vinabico (công ty con của KDC) hợp nhất để sở hữu thêm 6,42% số cổ phiếu Eximbank. Trong khi đó, riêng khoản đầu tư vào Eximbank là xấp xỉ 1.440 tỷ đồng, với giá mua khi đó (tháng 2/2007) bằng 8 lần mệnh giá (mệnh giá 10.000 đồng/cp). Và vào thời điểm ngày 31/12/2008, trên thị trường OTC giá cổ phiếu Eximbank đã hạ xuống mức 12.000 -15.000 đồng/cp, tức là giảm khoảng 80% so với giá gốc. Ngoài ra, KDC còn mua cổ phiếu Sabeco trong đợt đấu giá tháng 2 năm 2008 với giá trung bình quân là hơn 70.000 đồng/cp. Tại thời điểm 31/12/2008, giá giao dịch Sabeco ghi nhận trên thị trường OTC là 29.000 - 30.000 đồng/cp. Như vậy khoản đầu tư này cũng đã giảm giá trên 50%. Tuy nhiên, KDC cũng không lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.

▶▶▶ **Nguyên nhân khách quan:** Văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính (Thông tư 15/2006/TT-BTC) về chế độ trích lập các khoản dự phòng ĐTTTC còn quá ngắn gọn, chưa rõ ràng và cụ thể hóa được các trường hợp phải trích lập dự phòng

▶▶ Thứ nhất: Không thống nhất phương pháp trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết (OTC).

Trường hợp của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sacombank (STB) với khoản chênh lệch 155 tỷ đồng lợi nhuận trước và sau kiểm toán là do sự khác biệt về phương pháp trích lập dự phòng giảm giá đối với loại cổ phiếu chưa niêm yết không có giá giao dịch trên thị trường hoặc giá thị trường được xác định không đủ cơ sở tin cậy.

Sacombank sử dụng phương pháp chiết khấu dòng cổ tức dự kiến thu được trong tương lai để xác định giá của cổ phiếu và so sánh với giá trị sổ sách. Nếu giá thấp hơn giá trị sổ sách thì STB trích lập dự phòng, còn nếu cao hơn giá trị sổ sách thì không phải trích lập dự phòng khoản đầu tư đó. Còn Công ty kiểm toán cho STB là Pricewaterhouse Cooper (PWC) lại chọn trích lập bằng cách so sánh giá thị trường với giá trị sổ sách. Giá thị trường được xác định là giá giao dịch từ bảng giá tham chiếu của các công ty chứng khoán đối với cổ phiếu cùng ngành, có các chỉ tiêu tài chính tương đồng. Lý giải của PWC cho rằng phương pháp chiết khấu dòng cổ tức phụ thuộc vào yếu tố chủ quan, vì nó dựa trên

giả định là DN sẽ tăng trưởng bao nhiêu phần trăm, trả cổ tức bao nhiêu trong các năm tới. Chọn mức dự kiến tăng trưởng là 8%, 10% hay 15% thì giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức đã khác nhau rất nhiều. Vì vậy xác định trích lập dự phòng theo giá thị trường của cổ phiếu thì đáng tin cậy hơn.

Trong khi đó, Sacombank đã giải trình với Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM khoản chênh lệch 133 tỷ lợi nhuận trước và sau kiểm toán là do phương pháp xác định giá đối với cổ phiếu OTC không có giá giao dịch trên thị trường theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức. STB cho rằng việc xác định giá dựa trên so sánh với xu hướng giá cổ phiếu cùng ngành chỉ là phương pháp tương đối, không phải phương pháp định giá cổ phiếu. Hầu như các doanh nghiệp cổ phần hóa đều xác định giá cổ phiếu theo chiết khấu dòng cổ tức. Đối với các khoản đầu tư dài hạn, có tính chất lâu dài vào một công ty, nhà đầu tư chiến lược sẽ coi cổ tức là nguồn thu chính, là lợi ích lâu dài. Vì thế, sử dụng phương pháp chiết khấu dòng cổ tức để xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu OTC sẽ hợp lý và chính xác hơn.

Như vậy STB và công ty kiểm toán đã không thống nhất một phương pháp lập dự phòng ngay từ đầu, dẫn đến kết quả lợi nhuận chênh lệch gây ra các băn khoăn lo ngại cho nhà đầu tư. STB chỉ là điển hình cho những rắc rối trong thực hiện trích lập dự phòng giảm giá cổ phiếu chưa niêm yết ở các công ty niêm yết, công ty đại chúng khi chưa có quy định cụ thể về vấn đề này.

» Thứ hai: Tồn tại sự mâu thuẫn trong văn bản hướng dẫn về việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Hiện tại, chỉ có 1 văn bản duy nhất quy định về chế độ và cách thức trích lập dự phòng ĐTTC của doanh nghiệp, đó là Thông tư số 13/2006/TT-BTC. Tuy nhiên, nhiều điểm quy định trong Thông tư 13 lại khá chung chung, chưa rõ ràng khiến các công ty hiểu và vận dụng để trích lập dự phòng theo các cách khác nhau. Đó là trường hợp của Công ty cổ phần Hàng hải Sài Gòn (SHC) và đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn (A&C). SHC có khoản đầu tư vào Công ty CP Chứng khoán Âu Việt (AVSC) với số vốn góp là 2,4 tỷ đồng (0,67% vốn điều lệ) trong năm 2007. Với tư cách là cổ đông sáng lập của AVSC, theo quy định, số cổ phiếu này không được chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày 9/7/2007. Trong năm 2008, AVSC bị lỗ 172,72 tỷ đồng trên tổng vốn chủ sở hữu là 368 tỷ đồng, và dẫn đến vốn chủ sở hữu của AVSC đã nhỏ hơn mức vốn góp ban đầu. Do đó, khi kiểm toán BCTC của SHC, A&C kiến nghị cần trích lập một khoản dự phòng giảm giá ĐTTC dài hạn với số tiền là 1,15 tỷ đồng cho khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Chứng khoán Âu Việt, vì vốn góp thực tế của

các bên tại tổ chức kinh tế này đã nhỏ hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm lập BCTC (theo quy định Chương II, Điều 2, Khoản 2.1, mục b, Thông tư 15/2006/TT-BTC). Tuy nhiên SHC lại từ chối trích lập khoản dự phòng trên. Nguyên nhân là khoản đầu tư của SHC vào AVSC bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm (đến 9/7/2010), do đó khoản đầu tư này được coi là những chứng khoán không được phép chuyển nhượng tự do trên thị trường (mà có điều kiện ràng buộc). Theo quy định ở Chương II, Điều 2, Khoản 2.1, mục a, chỉ rõ đối tượng trích lập dự phòng là tất cả các khoản đầu tư chứng khoán, ngoại trừ khoản đầu tư chứng khoán không được phép giao dịch trên thị trường (dạng cổ đông chiến lược bị giới hạn thời gian chuyển nhượng,...). Quan điểm của SHC có thể xuất phát từ việc tỷ lệ góp vốn của họ vào AVSC khá thấp (0,67%) so với mức 20% theo luật định để coi là đầu tư vào công ty liên kết. Vì vậy, SHC đã từ chối việc trích lập khoản dự phòng này, gây ra sự chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán lên tới gần 9%, tương đương 1,152 tỷ đồng. Như vậy, trong trường hợp này, cả phía công ty kiểm toán A&C và SHC đều trích dẫn Thông tư số 13/2006/TT-BTC, tuy nhiên mỗi bên lại trích dẫn một điều khoản khác nhau, dẫn đến các ý kiến hoàn toàn trái ngược nhau.

Như vậy, việc trích lập dự phòng giảm giá ĐTTC của các DN niêm yết đã có ảnh hưởng không tốt đến thói quen của nhà đầu tư, tạo tâm lý nghi ngờ và thận trọng với chính những con số mà DN công bố trong mỗi kỳ báo cáo. Để khắc phục được tình trạng này, lấy lại niềm tin của các cổ đông đối với doanh nghiệp, cũng như nâng cao tính minh bạch thông tin về kết quả kinh doanh, cần phải có sự "hợp sức" của chính DN với các cơ quan quản lý của Nhà nước.

»» Về phía doanh nghiệp

» Thứ nhất: thực hiện nghiêm túc trích lập dự phòng giảm giá ĐTTC đối với các chứng khoán có thể giao dịch tự do (kể cả ngắn hạn và dài hạn) theo hướng vận dụng của CMKT quốc tế.

Theo quy định của chuẩn mực kế toán quốc tế 39 - Công cụ tài chính: Ghi nhận và đo lường (IAS 39 - Financial Instruments: Recognition and Measurement) thì tất cả các khoản ĐTTC đều phải lập dự phòng giảm giá khi giá gốc của khoản đầu tư thấp hơn giá thị trường của khoản đầu tư đó, trừ trường hợp DN đầu tư cổ phiếu vì mục đích kiểm soát DN được đầu tư. Vì vậy, các DN niêm yết của Việt Nam phải chủ động trích lập dự phòng, khi chứng khoán đó có thể được tự do mua bán trên thị trường với mục đích thương mại (đối với cả chứng khoán ngắn hạn và dài hạn) mà tại thời điểm lập BCTC có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ kế toán.

Mức trích lập dự phòng được xác định theo công

thức sau: **Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán = Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập BCTC x (Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán - Giá chứng khoán thực tế trên thị trường)**

Trích lập dự phòng ĐTTTC một cách trung thực, hợp lý sẽ đảm bảo phản ánh chính xác giá trị tài sản ròng của công ty cũng như kỳ vọng của nhà đầu tư với các khoản ĐTTTC đó, góp phần nâng cao chất lượng thông tin được công bố cũng như niềm tin của cổ đông với DN. *

» Thứ hai: nên công khai các khoản đầu tư của mình trong thuyết minh BCTC để nhà đầu tư có thể tự xác định và đánh giá mức thiệt hại của các khoản ĐTTTC đó.

Thuyết minh BCTC gồm là những thông tin bổ sung với mục đích làm rõ và chi tiết hơn các thông tin và dữ liệu kế toán đã bị “bỏ qua” trong các BCTC, như Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh. Thông qua thuyết minh BCTC, nhiều nhà đầu tư đã bắt đầu tìm hiểu sâu hơn về các khoản ĐTTTC (ngắn hạn và dài hạn), các khoản vay nợ dài hạn... của các DN niêm yết. Bởi nếu chỉ nhìn vào bảng cân đối kế toán, có thể chúng ta hoàn toàn không biết hoặc hiểu sai lệch về các thông tin này. Nên chăng, mục V.02 và V.13 trong thuyết minh BCTC về các khoản ĐTTTC ngắn hạn và dài hạn nên được bổ sung thêm các thông tin về khoản dự phòng giảm giá đầu tư như sau: xem bảng cuối trang.

Bên cạnh việc công khai trích lập dự phòng này, DN cũng nên có giải thích về cách thức trích lập dự phòng, lý do không trích lập dự phòng để cổ đông có cơ sở đánh giá. Điều này cũng rất có ý nghĩa đối với nhà đầu tư khi xem xét, tự định giá tổn thất với từng khoản ĐTTTC của DN thông qua các BCTC, đồng thời thể hiện mức độ trung thực và minh bạch của công ty trong hoạt động quản trị tài chính nói riêng và quản trị công ty nói chung. Và trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập với kinh tế thế giới và khu vực, minh bạch thông tin tài chính là yếu tố tiên quyết để có thể thu hút vốn từ đầu tư nước ngoài về doanh nghiệp, cũng như thực hiện “niềm mong ước”

niềm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán thế giới của các DN niêm yết Việt Nam.

»» Về phía Nhà nước:

» Thứ nhất, Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cần sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể, bổ sung hoặc thay thế Thông tư 13/TT-BTC về trích lập dự phòng đầu tư tài chính.

- Đối với việc xác định giá thị trường của cổ phiếu trên thị trường OTC

Đối với chứng khoán chưa niêm yết (OTC) có giao dịch tương đối thường xuyên, để xác định giá thị trường tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm, DN có thể lấy giá bình quân trong 1 tuần giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo. Giá thị trường OTC này có thể tham khảo và sử dụng giá bình quân của 3 đến 4 công ty chứng khoán lớn, có uy tín. Thông tin này sẽ giúp người đọc đánh giá và có thể dự đoán được tình hình ĐTTTC của đơn vị trong tương lai gần cũng như hiệu quả của các khoản đầu tư đó.

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) có ít giao dịch phát sinh, mà không xác định được giá thị trường do tính thanh khoản kém, thì để xác định giá thị trường, DN có thể dựa vào phương pháp chiết khấu dòng cổ tức dự kiến trong tương lai.

Trường hợp này không nên sử dụng phương pháp tập hợp giá những cổ phiếu cùng ngành để so sánh vì “mẫu” được chọn có thể chưa phù hợp. Lý do là thị trường phát triển không ổn định, chưa hoàn hảo và các cổ phiếu được chọn trong “mẫu” để so sánh không có tính đại diện cao.

Mặt khác, UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HASTC) nên có biện pháp để nhanh chóng đưa sản UPCoM (Sản giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết) vào hoạt động. Khi đó xấp xỉ 1000 công ty đại chúng chưa niêm yết của Việt Nam sẽ bắt buộc phải thực hiện lưu ký tập trung và giao dịch trên sản UPCoM này. Tham gia UPCoM, cổ phiếu chưa niêm yết của các công ty đại chúng (còn gọi là cổ phiếu OTC) sẽ cải thiện tính thanh khoản rất mạnh mẽ, dễ dàng xác định được giá thị trường, tương tự như đối với gần 400 cổ

S T T	Loại Chứng khoán	Đầu năm		Cuối năm		SDDK dự phòng giảm giá đầu tư CK	Số trích lập DF tại thời điểm cuối năm	Số hoàn nhập dự phòng hoặc trích lập thêm
		SL	Giá trị	SL	Giá trị			
1	AAA	16,300	348,750,000	16,300	318,670,000	0	30,080,000	30,080,000
2	ABC	21,100	298,860,000	22,500	195,250,000	21,090,000	102,500,000	81,410,000
3	XYZ	25,100	325,000,000	30,000	416,780,000	18,750,000	0	(18,750,000)
							
	Cộng							

(...): hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

phiếu của các công ty đại chúng niêm yết đang được giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội. Bài toán xác định giá thị trường của các cổ phiếu OTC sẽ dễ dàng có lời giải và việc trích lập dự phòng của các công ty đại chúng trở nên dễ dàng hơn rất nhiều. Từ đó khắc phục được phần lớn sự chênh lệch của chỉ tiêu lợi nhuận trước và sau kiểm toán, tạo niềm tin cho nhà đầu tư đối với thông tin trên BCTC do chính DN cung cấp trước khi có BCTC năm được kiểm toán.

- Đối với quy định bắt buộc phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán: DN khi đầu tư chứng khoán với mục đích thương mại (cả ngắn hạn và dài hạn) sẽ phải lập dự phòng khi giá thị trường của khoản đầu tư đó thấp hơn giá gốc. Còn đối với các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bị hạn chế thời gian chuyển nhượng, không được giao dịch tự do, thì tùy thuộc vào mục đích đầu tư, DN có thể vẫn phải trích lập dự phòng giảm giá, hoặc không phải thực hiện trích lập. Ví dụ, đối với các loại chứng khoán DN được mua với giá ưu đãi, bị hạn chế thời gian chuyển nhượng trong một khoảng thời gian sau khi mua từ 1-2 năm, thì bản chất, các khoản đầu tư này vẫn mang tính chất thương mại. DN có thể bán nó ngay sau khi kết thúc thời gian bị hạn chế chuyển nhượng. Vì vậy, vẫn phải thực hiện trích lập dự phòng với các khoản đầu tư này. Còn các loại chứng khoán bị hạn chế thời gian chuyển nhượng do DN đầu tư với mục đích đầu tư, hoặc tham gia điều hành tổ chức đó, thì không cần thiết phải trích lập dự phòng, bởi DN sẽ chưa có ý định bán các khoản đầu tư đó trong vài năm tới.

» Thứ hai, Bộ Tài chính nên nghiên cứu, xem xét và ban hành CMKT liên quan đến việc ghi nhận và trích lập dự phòng giảm giá ĐTTTC theo hướng tiếp cận CMKT quốc tế.

Trong 26 CMKT Việt Nam đã ban hành đến thời điểm này, chưa có CMKT nào liên quan trực tiếp đến việc phản ánh, ghi nhận và trích lập dự phòng ĐTTTC. Việc ban hành được một CMKT liên quan đến các khoản ĐTTTC vừa giúp DN hạch toán đúng, hạch toán đủ và chính xác giá gốc cũng như các khoản dự phòng và giá trị hợp lý của các khoản đầu tư đó. Mặt khác, CMKT đó ra đời mang tính pháp lý cao hơn, là "chế tài" bắt buộc các DN phải tuân thủ, nếu không muốn bị coi là vi phạm pháp luật về kế toán.

Nội dung của chuẩn mực có liên quan đến ghi nhận, đánh giá và trích lập dự phòng ĐTTTC, bao gồm các nội dung như ghi nhận ban đầu đối với các khoản ĐTTTC, phương pháp đánh giá lại các khoản ĐTTTC, phương pháp trích lập dự phòng giảm giá ĐTTTC. Mặt khác, để tránh tạo áp lực lên chỉ tiêu lợi nhuận khi trích lập dự phòng ĐTTTC, nên chăng, các khoản dự phòng giảm giá ĐTTTC dài hạn không phản ánh trực tiếp vào kết quả kinh doanh trong kỳ mà có thể phản ánh nó qua việc định giá lại vốn

chủ sở hữu của doanh nghiệp. Hạch toán như vậy sẽ giúp kết quả kinh doanh của DN tránh bị tác động quá lớn bởi các khoản dự phòng, từ đó tạo điều kiện để DN "yên tâm" công khai, minh bạch và trích lập đầy đủ các khoản dự phòng giảm giá ĐTTTC.

Trong trường hợp xuất hiện yếu tố có thể làm tổn thất về tài sản là các khoản ĐTTTC dài hạn, khi giá trị ghi sổ < giá thị trường thì phần giảm so với giá trị ghi sổ (giá gốc) của khoản đầu tư dài hạn được ghi giảm vốn chủ sở hữu thông qua việc đánh giá lại các khoản đầu tư dài hạn. Như vậy, các khoản dự phòng ĐTTTC dài hạn sẽ không làm ảnh hưởng đến thu nhập và lợi nhuận của năm tài chính, nhưng trên Bảng cân đối kế toán, nhà đầu tư có thể thấy năm đó vẫn có lãi nhưng tài sản dài hạn đã bị hao hụt do bị tổn thất ĐTTTC dài hạn. Nhờ đó, DN sẽ hạn chế phải "lách luật" để không phải trích lập dự phòng giảm giá ĐTTTC nhằm đạt được chỉ tiêu lợi nhuận như mong muốn nhằm thỏa mãn các cổ đông.

Tóm lại, để các khoản dự phòng giảm giá ĐTTTC trên của BCTC được trình bày một cách rõ ràng, đầy đủ, cần phải có sự hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính, của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, của hai Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Hà Nội, thông qua các văn bản pháp quy có liên quan. Bên cạnh đó, cũng cần có sự nhận thức đúng đắn của đội ngũ lãnh đạo các doanh nghiệp niêm yết trong việc công khai, minh bạch hóa thông tin tài chính doanh nghiệp theo hướng tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, phù hợp với xu thế hội nhập của thị trường chứng khoán Việt Nam. **CT**

Tài liệu tham khảo

- 1, IASB, IAS 39, www.iasb.org/NR/rdonlyres/1D9CBD62-FOA8-4401-A90D-483C63800CAA/0/IAS39.pdf
- 2, Bộ Tài chính, Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2006 về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng
- 3, Công văn gửi UBCKNN, Sở GDCK TP.HCM giải trình chênh lệch khoản chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán của một số DN niêm yết STB, SHC, TCM, KDC, NKD. www.hsx.org.vn
- 4, Bùi Sĩ Dũng, Số liệu bất nhất: Nhà đầu tư tin ai?, Đầu tư Chứng khoán điện tử
- 5, Thu Hương, Bất nhất từ việc thiếu chuẩn lập dự phòng, Đầu tư Chứng khoán điện tử
- 6, Tường Vi, Chế tài nào buộc DN trích lập dự phòng?, Đầu tư Chứng khoán điện tử
- 7, Trương Thị Trang, Báo động chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán, www.stox.vn
- 8, SHC và Cty Kiểm toán A&C không thống nhất về khoản trích lập dự phòng, <http://cafe.vn/SHC-19107/shc-va-cty-kiem-toan-ac-khong-thong-nhat-ve-khoan-trich-lap-du-phong.chn>